Machine Translated by Google

# BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN



## PHẦN 1) SẢN PHẨM HÓA CHẤT VÀ NHẬN DẠNG CỦA NHÀ CUNG CẤP

| | | | |
|---|---|---|---|
| Mã sản phẩm: | 70-10212 | | |
| Tên sản phẩm: | Nukote Polyprime I, Mặt A | | |
| Ngày sửa đổi: | Ngày 09 tháng 06 năm 2020 | Ngày in: 1.0 | Ngày 01 tháng 10 năm 2020 |
| Phiên bản: | Ngày thay thế: | | Không có |
| Tên nhà sản xuất: | Hệ thống phủ Nukote | | |
| Địa chỉ: | 2051 Đường Reliance, Bedford, TX 76021 | | |
| Điện thoại khẩn cấp: | Chemtrec:800-424-9300 (tài khoản: CCN1217) HOẶC Quốc tế:703-527-3887 (tài khoản: CCN1217) | | |
| Thông tin Điện thoại: | (832) 770-7100 | | |
| Fax: | (281) 227-0909 | | |

Sản phẩm/Công dụng khuyến nghị: Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo Bảng dữ liệu kỹ thuật của sản phẩm.

## PHẦN 2) NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

### Phân loại:

Độc tính cơ quan đích cụ thể - Phơi nhiễm đơn lẻ (Kích ứng đường hô hấp) - Loại 3

Độc tính cơ quan đích cụ thể - Phơi nhiễm lặp lại - Loại 2

Kích ứng da - Loại 2

Chất gây dị ứng hô hấp (Rắn/Lỏng) - Loại 1

Chất gây nhạy cảm da - Loại 1

Gây ung thư - Loại 2

Kích ứng mắt - Loại 2

Độc tính cấp tính, Đường uống - Loại 5

### Biểu tượng:



### Từ tín hiệu:

Sự nguy hiểm

### Các tuyên bố nguy hiểm - Sức khỏe:

H303 - Có thể gây hại nếu nuốt phải

H351 - Nghi ngờ gây ung thư .

H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

H334 - Có thể gây ra các triệu chứng dị ứng hoặc hen suyễn hoặc khó thở nếu hít phải

H315 - Gây kích ứng da

H317 - Có thể gây phản ứng dị ứng da

H373 - Có thể gây tổn thương các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc nhiều lần.

H335 - Có thể gây kích ứng đường hô hấp

### Các tuyên bố phòng ngừa - Chung:

P101 - Nếu cần tư vấn y tế, hãy chuẩn bị sẵn nhãn hoặc hộp đựng sản phẩm.

P102 - Để xa tầm tay trẻ em.

P103 - Đọc nhãn trước khi sử dụng.

Machine Translated by Google

### Các tuyên bố phòng ngừa - Phòng ngừa:

P201 - Xin hư ớng dẫn đặc biệt trư ớc khi sử dụng.

P202 - Không đư ợc sử dụng cho đến khi đã đọc và hiểu rõ tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn.

P280 - Đeo găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.

P264 - Rửa sạch sau khi xử lý.

P261 - Tránh hít phải bụi/khói/khí/sư ơ ng mù/hơ i/bụi nư ớc.

P284 - <Trong trư ờng hợp thông gió không đủ> hãy đeo thiết bị bảo vệ đư ờng hô hấp.

P272 - Không đư ợc phép mang quần áo làm việc bị nhiễm bẩn ra khỏi nơ i làm việc.

P260 - Không hít bụi/khói/khí/sư ơ ng mù/hơ i/bụi nư ớc.

P271 - Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơ i thông gió tốt.

P233 - Giữ bình chứa đóng chặt.

### Các tuyên bố phòng ngừa - Phản ứng: P312 - Gọi đến

TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.

P308 - NẾU tiếp xúc hoặc lo ngại:

P313 - Nhận tư vấn/chăm sóc y tế.

P305 - NẾU Ở MẮT:

P351 - Rửa sạch cẩn thận bằng nư ớc trong vài phút.

P338 - Tháo kính áp tròng nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa sạch.

P337 - Nếu tình trạng kích ứng mắt vẫn tiếp diễn:

P304 - NẾU HÍT PHẢI:

P340 - Đư a nạn nhân ra nơ i thoáng khí và giữ tư thế thoải mái để thở.

P342 - Nếu gặp các triệu chứng về hô hấp:

P311 - Gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ.

P302 - NẾU DÍNH VÀO DA:

P352 - Rửa sạch bằng nhiều nư ớc.

P321 - Điều trị đặc hiệu (xem phần 4 trên SDS này).

P332 - Nếu da bị kích ứng:

P362 - Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn.

P364 - Và rửa sạch trư ớc khi sử dụng lại.

P333 - Nếu da bị kích ứng hoặc phát ban:

P314 - Nhận tư vấn/chăm sóc y tế nếu bạn cảm thấy không khỏe.

### Các tuyên bố phòng ngừa - Lư u trữ:

P405 - Cửa hàng đã bị khóa.

P403 - Bảo quản nơ i thông thoáng.

### Các tuyên bố phòng ngừa - Xử lý:

P501 - Xử lý chất thải/thùng chứa đến nhà máy xử lý chất thải đư ợc phê duyệt.

## PHẦN 3) THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

| CAS | Tên hóa học | % Theo Trọng Lư ợng |
|---|---|---|
| 0068092-58-0 | Propanol, [(1-methyl-1,2-ethanediyl)bis(oxy)]bis-, polyme với 1,1'-methylenebis [isocyanatobenzene] và oxybis[propanol] | 28% - 52% |
| 0000101-68-8 | 4,4'-METHYLENEDIPHENYL DIISOCYANATE | 23% - 43% |
| KHÔNG TIẾT LỘ | MDI ĐÃ SỬA ĐỔI | 14% - 25% |

## PHẦN 4) CÁC BIỆN PHÁP CỨU THƯ ỜNG

### Hít vào:

Machine Translated by Google

Loại bỏ nguồn tiếp xúc hoặc đưa người đó đến nơi có không khí trong lành và giữ cho họ thoải mái để thở. Nếu gặp các triệu chứng về hô hấp: Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ. Nếu khó thở, nhân viên được đào tạo nên cung cấp oxy khẩn cấp nếu được TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ khuyên làm như vậy.

Nếu bị phơi nhiễm/cảm thấy không khỏe/lo lắng: Gọi đến TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ.

Loại bỏ mọi nguồn gây cháy nếu an toàn.

Tiếp xúc với da:

Cởi bỏ quần áo, giày dép và đồ da bị nhiễm bẩn (ví dụ như dây đeo đồng hồ, thắt lưng). Nhẹ nhàng thấm hoặc chải sạch sản phẩm thừa. Rửa bằng nhiều nước ấm, chảy nhẹ trong khoảng thời gian 15-20 phút. Nếu da bị kích ứng hoặc phát ban: Hãy tìm lời khuyên/chăm sóc y tế. Giặt quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại hoặc vứt bỏ.

NẾU tiếp xúc hoặc lo lắng: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.

Giao tiếp bằng mắt:

Rửa mắt cẩn thận bằng nước ấm chảy nhẹ trong vài phút, trong khi giữ mí mắt mở. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa trong 15-20 phút. Cẩn thận không xả nước bị ô nhiễm vào mắt không bị ảnh hưởng hoặc vào mặt. Nếu kích ứng mắt vẫn tiếp diễn: Nhận tư vấn/chăm sóc y tế.

Tiêu hóa:

Súc miệng. KHÔNG gây nôn. Cho uống 1 hoặc 2 cốc sữa hoặc nước và đi khám/tư vấn y tế.

NẾU tiếp xúc hoặc lo lắng: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.

## MỤC 5) BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

Nên sử dụng hóa chất khô, bọt, carbon dioxide. Nên phun nước để làm mát hoặc bảo vệ vật liệu hoặc kết cấu tiếp xúc.
Carbon dioxide có thể thay thế oxy. Hãy cẩn thận khi sử dụng carbon dioxide trong không gian hạn chế. Tránh sử dụng đồng thời bọt và nước trên cùng một bề mặt vì nước sẽ phá hủy bọt. Chỉ có thể sử dụng cát hoặc đất cho các đám cháy nhỏ.

Phương tiện chữa cháy không phù hợp:

Nếu sử dụng nước, hãy sử dụng một lượng nước lạnh rất lớn. Phản ứng giữa nước và isocyanat nóng có thể rất mạnh.

Các mối nguy hiểm cụ thể trong trường hợp hỏa hoạn:

Áp suất hoặc nhiệt độ quá cao có thể gây nổ bình chứa.

Ô nhiễm nước sẽ tạo ra carbon dioxide. Không đậy kín lại các thùng chứa bị ô nhiễm vì áp suất tích tụ có thể làm vỡ chúng.

Quy trình chữa cháy:

Cô lập khu vực nguy hiểm ngay lập tức và không cho nhân viên không có thẩm quyền ra ngoài. Dừng việc tràn/thải nếu có thể thực hiện an toàn. Di chuyển các thùng chứa không bị hư hại khỏi khu vực nguy hiểm ngay lập tức nếu có thể thực hiện an toàn. Phun nước có thể hữu ích trong việc giảm thiểu hoặc phân tán hơi và bảo vệ nhân viên. Nước có thể không hiệu quả nhưng có thể được sử dụng để làm mát các thùng chứa tiếp xúc với nhiệt hoặc ngọn lửa. Cần thận trọng khi sử dụng nước hoặc bọt vì có thể xảy ra bọt, đặc biệt là nếu phun vào các thùng chứa chất lỏng nóng, đang cháy.

Xử lý các mảnh vỡ cháy và nước chữa cháy bị ô nhiễm theo đúng quy định của chính quyền.

Hành động bảo vệ đặc biệt:

Đeo máy thở tự cung cấp được NIOSH chấp thuận ở chế độ áp suất dương với mặt nạ trùm kín mặt. Giày, găng tay (neoprene), kính bảo hộ và quần áo bảo hộ toàn thân cũng là bắt buộc.

Luôn phải cẩn thận khi ở những khu vực có bụi/sương mù.

## PHẦN 6) CÁC BIỆN PHÁP PHÁT HÀNH TÌNH CỜ

Quy trình khẩn cấp:

LOẠI BỎ mọi nguồn gây cháy (không hút thuốc, pháo sáng, tia lửa hoặc ngọn lửa ở khu vực xung quanh).
Không chạm hoặc bước qua vật liệu bị đổ.
Cô lập khu vực nguy hiểm và tránh xa những người không cần thiết. Loại bỏ mọi nguồn gây cháy có thể có ở khu vực xung quanh. Thông báo cho chính quyền nếu có bất kỳ sự tiếp xúc nào với công chúng hoặc môi trường xảy ra hoặc có khả năng xảy ra.
Nếu vật liệu bị đổ được làm sạch bằng dung môi được quy định, hỗn hợp chất thải thu được có thể được quy định.

Thiết bị được đề xuất:

Máy thở áp suất dương, trùm kín mặt (SCBA) hoặc máy thở cung cấp khí áp suất dương có bình thở SCBA thoát hiểm (được NIOSH chấp thuận).

Biện pháp phòng ngừa cá nhân:

Tránh hít phải hơi. Tránh tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo. Không chạm vào các thùng chứa bị hư hỏng hoặc vật liệu bị đổ trừ khi mặc quần áo bảo hộ thích hợp.

Biện pháp phòng ngừa về môi trường:

Ngăn chặn việc tràn/thải nếu có thể thực hiện an toàn. Ngăn không cho vật liệu tràn vào cống rãnh, cống thoát nước mưa, các hệ thống thoát nước trái phép khác và đường thủy tự nhiên bằng cách sử dụng cát, đất hoặc các rào cản thích hợp khác.

Machine Translated by Google

### Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch:

Đậy nắp hộp đựng, nhưng không niêm phong, và lấy ra khỏi khu vực làm việc. Chuẩn bị dung dịch khử nhiễm gồm 2,0% chất tẩy rửa dạng lỏng và 3-8% amoni hydroxit cô đặc trong nước (có thể thay thế amoni hydroxit bằng 5-10% natri cacbonat). Thực hiện các biện pháp phòng ngừa trên bảng dữ liệu an toàn của nhà cung cấp.

Xử lý khu vực tràn bằng dung dịch khử nhiễm, sử dụng khoảng 10 phần dung dịch cho mỗi phần tràn và để phản ứng trong ít nhất 15 phút. Carbon dioxide sẽ thoát ra, để lại polyurea không hòa tan. Chất thải từ quá trình dọn dẹp tràn, ngay cả khi được xử lý như mô tả, vẫn có thể tiếp tục được quản lý theo các điều khoản của RCRA và cần được lưu trữ và xử lý như chất thải nguy hại.

Khuấy từ từ chất thải isocyanate vào dung dịch khử nhiễm được mô tả ở trên. Để yên trong 48 giờ, cho khí carbon dioxide thoát ra ngoài, chất thải vẫn có thể phải tuân theo các yêu cầu về lưu trữ và xử lý của RCRA. Xử lý theo tất cả các luật và quy định có liên quan của địa phương, tiểu bang và liên bang về xử lý.

## PHẦN 7) XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ

Tổng quan:

Rửa tay sau khi sử dụng.

Không để dính vào mắt, da hoặc quần áo.
Không hít phải hơi hoặc sương mù.
Áp dụng các biện pháp vệ sinh cá nhân tốt.
Cấm ăn, uống và hút thuốc ở khu vực làm việc.
Cởi bỏ quần áo và thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn trước khi vào khu vực ăn uống.

Nên bố trí trạm rửa mắt và vòi hoa sen ở những khu vực sử dụng và lưu trữ vật liệu này.

### Yêu cầu thông gió:

Chỉ sử dụng với thông gió đầy đủ để kiểm soát các chất gây ô nhiễm không khí ở mức giới hạn tiếp xúc của chúng. Khuyến nghị sử dụng thông gió cục bộ để kiểm soát khí thải gần nguồn.

### Yêu cầu về phòng lưu trữ:

Đóng chặt thùng chứa và dán nhãn đúng cách. Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh xa nhiệt, ánh nắng trực tiếp, chất oxy hóa mạnh và bất kỳ chất nào không tương thích. Bảo quản trong thùng chứa đã được phê duyệt và tránh hư hỏng vật lý. Giữ thùng chứa được niêm phong an toàn khi không sử dụng. Lưu trữ trong nhà phải đáp ứng các tiêu chuẩn của OSHA và các quy định về phòng cháy chữa cháy phù hợp. Các thùng chứa đã mở phải được niêm phong lại cẩn thận để tránh rò rỉ. Thùng chứa rỗng vẫn còn cặn và có thể gây nguy hiểm.
Sử dụng hệ thống thông gió không phát tia lửa, thiết bị chống cháy nổ đã được phê duyệt và hệ thống điện an toàn nội tại ở những khu vực sử dụng và lưu trữ sản phẩm này.

Giữ chất lỏng và hơi tránh xa tia lửa và ngọn lửa, lưu trữ trong các thùng chứa trên mặt đất và được bao quanh bởi đê để ngăn tràn hoặc rò rỉ.

Không cắt, khoan, mài, hàn hoặc thực hiện các hoạt động tương tự trên hoặc gần thùng chứa.

## PHẦN 8) KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

### Bảo vệ mắt:

Đeo kính bảo vệ mắt bằng tấm chắn bên hông hoặc kính bảo hộ. Đeo kính bảo hộ chống va đập, chống bắn nước và thông gió gián tiếp khi làm việc với chất lỏng. Nếu cần bảo vệ thêm cho toàn bộ khuôn mặt, hãy sử dụng kết hợp với kính bảo hộ.

### Bảo vệ da:

Sử dụng găng tay được chấp thuận theo các tiêu chuẩn có liên quan được làm từ các vật liệu sau đây có thể cung cấp khả năng bảo vệ hóa chất phù hợp: Găng tay PVC, cao su tổng hợp neoprene hoặc cao su nitrile. Tính phù hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, ví dụ tần suất và thời gian tiếp xúc, khả năng chống hóa chất của vật liệu găng tay, độ dày của găng tay, độ khéo léo. Luôn tìm lời khuyên từ các nhà cung cấp găng tay. Nên thay thế găng tay bị nhiễm bẩn. Nên sử dụng tạp dề và ủng làm bằng vật liệu không thấm hóa chất như cao su tổng hợp neoprene hoặc cao su nitrile để tránh gây kích ứng da. Loại thiết bị bảo vệ phải được lựa chọn theo nồng độ và lượng chất nguy hiểm tại nơi làm việc cụ thể. Giặt quần áo bẩn hoặc xử lý đúng cách vật liệu bị ô nhiễm, không thể khử nhiễm.

### Bảo vệ hô hấp:

Nếu nồng độ trong không khí vượt quá hoặc dự kiến vượt quá TLV, hãy sử dụng máy thở cung cấp áp suất dương được MSHA/NIOSH chấp thuận với mặt nạ trùm kín mặt hoặc mũ trùm đầu cung cấp khí. Trong trường hợp khẩn cấp, hãy sử dụng máy thở tự cung cấp áp suất dương. Máy thở lọc không khí (loại hộp mực) không được chấp thuận để bảo vệ chống lại isocyanat.

### Kiểm soát kỹ thuật thích hợp:

Cung cấp hệ thống thông gió xả hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ nồng độ hơi trong không khí ở mức dưới ngưỡng giới hạn tương ứng.

| Tên hóa học | OSHA HAI (phần triệu) | OSHA HAI (mg/m3) | OSHA BỘ (phần triệu) | OSHA STEL (mg/m3) | OSHA Bảng (Z1, Z2, Z3) | OSHA Chất gây ung thư | OSHA Da chỉ định | HAI (phần triệu) | HAI (mg/m3) | BỘ (phần triệu) | BỘ (mg/m3) | Chất gây ung thư |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4,4'-Methylen Diphen YL DIISOCYANATE | 0,02 trần | 0,2 trần nhà | | | 1 | | | 0,005 | 0,050 | | | |

Machine Translated by Google

| Tên hóa học | HAI (phần triệu) | HAI (mg/m3) | STEL (ppm) | STEL (mg/m3) |
|---|---|---|---|---|
| 4,4'-Methylen Diphen YL DIISOCYANATE | 0,005 | 0,051 | | |

## PHẦN 9) TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

### Tính chất vật lý và hóa học

| | |
|---|---|
| Tỉ trọng | 9,75 pound/gallon |
| Trọng lượng riêng | 1.17 |
| Quy định VOC | 0,00 lb/gallon |
| VOC Phần A & B Kết hợp | Không có |
| Vẻ bề ngoài | Chất lỏng trong suốt |
| Ngưỡng mùi | Không có |
| Mô tả mùi | Thơm nhẹ |
| độ pH | Không có |
| Độ hòa tan trong nước | Phản ứng với nước |
| Tính dễ cháy | Không có |
| Biểu tượng điểm chớp cháy | Không có |
| Điểm chớp cháy | 150 °C |
| Độ nhớt | Không có |
| Mức độ nổ thấp hơn | Không có |
| Mức độ nổ trên | Không có |
| Áp suất hơi | Không có |
| Mật độ hơi | Nặng hơn không khí |
| Điểm đóng băng | Không có |
| Điểm nóng chảy | Không có |
| Điểm sôi thấp | 150 °C |
| Điểm sôi cao | Không có |
| Nhiệt độ đánh lửa tự động | Không có |
| Phân hủy Pt | Không có |
| Tốc độ bốc hơi | Chậm hơn ether |
| Hệ số Nước/Dầu | Không có |

## PHẦN 10) TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

### Sự ổn định:

Vật liệu ổn định ở nhiệt độ và áp suất tiêu chuẩn.

### Các điều kiện cần tránh:

Nhiệt, nhiệt độ cao, ngọn lửa, tia lửa và độ ẩm. Tiếp xúc với các vật liệu không tương thích trong hệ thống kín sẽ gây ra sự giải phóng carbon dioxide và tích tụ áp suất.

### Phản ứng nguy hiểm/Polymer hóa:

Sẽ không xảy ra trong điều kiện bình thường nhưng ở nhiệt độ cao trên 204°C, có sự hiện diện của độ ẩm, kiềm, amin bậc ba và hợp chất kim loại sẽ đẩy nhanh quá trình trùng hợp. Sự thoát ra có thể của khí carbon dioxide có thể làm vỡ các thùng chứa kín.

### Vật liệu không tương thích:

Sản phẩm này sẽ phản ứng với bất kỳ vật liệu nào có chứa hydro hoạt tính, chẳng hạn như nước, rượu, amoniac, amin, kiềm và axit, phản ứng với nước chậm ở nhiệt độ dưới 50°C, nhưng tăng tốc ở nhiệt độ cao hơn và khi có kiềm, amin bậc ba và hợp chất kim loại. Một số phản ứng có thể dữ dội. Vật liệu có thể phản ứng với các tác nhân oxy hóa mạnh.

### Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:

Cacbon dioxit, cacbon monoxit, nitơ oxit, một lượng nhỏ hydro xyanua và các hợp chất hữu cơ chưa xác định có thể được hình thành trong quá trình đốt cháy.

Machine Translated by Google

## PHẦN 11) THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Ăn mòn/Kích ứng da:

Isocyanate phản ứng với protein và độ ẩm của da và có thể gây kích ứng. Tiếp xúc kéo dài có thể gây đỏ, sư ng, phát ban, bong tróc, phồng rộp và trong một số trư ờng hợp, gây nhạy cảm da. Những ngư ời bị nhạy cảm da có thể phát triển các triệu chứng này do tiếp xúc với một lư ợng rất nhỏ chất lỏng hoặc do tiếp xúc với hơ i.

Gây kích ứng da

Tổn thư ơ ng/kích ứng mắt nghiêm trọng:

Chất lỏng, khí dung hoặc hơ i gây kích ứng nghiêm trọng và có thể gây đau, chảy nư ớc mắt, đỏ và sư ng. Tiếp xúc với hơ i trong thời gian dài có thể gây viêm kết mạc. Không nên để bất kỳ mức độ tiếp xúc nào mà không đư ợc điều trị.

Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

Tính gây ung thư :

Nghi ngờ gây ung thư .

Nhạy cảm về hô hấp/da:

Có thể gây ra các triệu chứng dị ứng hoặc hen suyễn hoặc khó thở nếu hít phải

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da

Tính gây đột biến tế bào mầm:

Không có dữ liệu có sẵn

Độc tính sinh sản:

Không có dữ liệu có sẵn

Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể - Tiếp xúc một lần:

Nồng độ hơ i cao có thể gây ức chế hệ thần kinh trung ư ơ ng (CNS) bằng chứng là chóng mặt, nhức đầu, chóng mặt và buồn nôn. Những ngư ời có tiền sử tăng hoạt phế quản không đặc hiệu có thể phản ứng với nồng độ dư ới TLV với các triệu chứng tư ơ ng tự cũng như lên cơ n hen suyễn. Tiếp xúc cao hơ n TLV có thể dẫn đến viêm phế quản, co thắt phế quản và phù phổi (dịch trong phổi). Do tiếp xúc quá mức nhiều lần trư ớc đó hoặc một liều lớn duy nhất, một số cá nhân có thể bị nhạy cảm với isocyanate (hen suyễn hóa học) khiến họ phản ứng với việc tiếp xúc sau đó với isocyanate ở mức thấp hơ n TLV.

Có thể gây kích ứng đư ờng hô hấp

Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể - Tiếp xúc nhiều lần:

Việc tiếp xúc quá mức với isocyanate trong thời gian dài cũng đư ợc báo cáo là có thể gây tổn thư ơ ng phổi (bao gồm suy giảm chức năng phổi) có thể là vĩnh viễn.

Có thể gây tổn thư ơ ng các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc liên tục.

Nguy cơ hít phải:

Không có dữ liệu có sẵn

Độc tính cấp tính:

Không có dữ liệu có sẵn

0000101-68-8 4,4'-METHYLENEDIPHENYL DIISOCYANATE

LC50 (chuột): 369-490 mg/m3 (khí dung) (phơ i nhiễm trong 4 giờ) (1)
LC50 (chuột): 178 mg/m3 (17,4 ppm) (thời gian tiếp xúc không đư ợc báo cáo) (2)

LD50 (uống, chuột): lớn hơ n 10.000 mg/kg (1,2)
LD50 (da, thỏ): lớn hơ n 10.000 mg/kg (1)
LD50 (uống, chuột): 2.200 mg/kg (3)

## PHẦN 12) THÔNG TIN SINH THÁI

Độc tính:

Không có dữ liệu.

Độ bền và khả năng phân hủy:

Không có dữ liệu.

Tiềm năng tích lũy sinh học:

Không có dữ liệu.

Tính di động trong đất:

Không có dữ liệu.

Các tác dụng phụ khác:

Không có dữ liệu.

Machine Translated by Google

## PHẦN 13) XÉT XỬ LÝ

### Xử lý chất thải:

Theo RCRA, ngư ời sử dụng sản phẩm có trách nhiệm xác định thời điểm thải bỏ sản phẩm có đáp ứng tiêu chí RCRA về chất thải nguy hại hay không. Quản lý chất thải phải tuân thủ đầy đủ luật liên bang, tiểu bang và địa phư ơng.

Các thùng chứa rỗng vẫn còn cặn sản phẩm có thể gây nguy hiểm cho vật liệu, do đó không đư ợc nén, cắt, tráng men, hàn hoặc sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác. Trả lại các thùng phuy cho các trung tâm tái chế để vệ sinh và tái sử dụng đúng cách.

## PHẦN 14) THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

### Thông tin của US DOT:

Không đư ợc quy định

### Thông tin IMDG:

Không đư ợc quản lý.

### Thông tin IATA:

Không đư ợc quản lý.

## MỤC 15) THÔNG TIN QUY ĐỊNH

| CAS | Tên hóa học | % Theo Trọng Lư ợng | Danh sách quy định |
|---|---|---|---|
| 0068092-58-0 | Propanol, [(1-metyl-1,2-etandiyl)bis(oxy)]bis-, polyme có 1,1'-methylenebis [isocyanatobenzene] và oxybis[propanol] | 28% - 52% | DSL, SARA312, TSCA |
| 0000101-68-8 | 4,4'-Methylen Diphenyl DIISOCYANAT | 23% - 43% | DSL, CERCLA, HAPS, SARA312, SARA313, VHAPS, VOC, TSCA |

## PHẦN 16) THÔNG TIN KHÁC

### THÔNG TIN KHÁC:

Lư u ý: Theo GHS, loại 1 là mức độ nguy hiểm cao nhất trong mỗi loại.

### BẢNG THUẬT NGỮ:

ACGIH- Hội nghị các nhà vệ sinh công nghiệp của chính phủ Hoa Kỳ; ANSI- Viện tiêu chuẩn quốc gia Hoa Kỳ; TDG Canada- Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của Canada; CAS- Dịch vụ tóm tắt hóa chất; Chemtrec- Trung tâm cấp cứu vận chuyển hóa chất (Hoa Kỳ); CHIP- Thông tin và bao bì về mối nguy hiểm của hóa chất; DSL- Danh sách các chất trong nư ớc; EC- Nồng độ tư ơng đư ơng; EH40 (Anh)- Ghi chú hư ớng dẫn của HSE EH40 Giới hạn phơ i nhiễm nghề nghiệp; EPCRA- Đạo luật về quyền đư ợc biết của cộng đồng và lập kế hoạch khẩn cấp; ESL- Mức sàng lọc tác động; HMIS- Dịch vụ thông tin về vật liệu nguy hiểm; LC- Nồng độ gây chết ngư ời; LD- Liều gây chết ngư ời; NFPA- Hiệp hội phòng cháy chữa cháy quốc gia; OEL- Giới hạn phơ i nhiễm nghề nghiệp; OSHA- Cơ quan quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, Bộ lao động Hoa Kỳ; PEL- Giới hạn phơ i nhiễm cho phép; SARA (Tiêu đề III)- Đạo luật sửa đổi và tái thẩm quyền của Superfund; SARA 313- Đạo luật sửa đổi và tái thẩm quyền của Superfund, Mục 313; SCBA- Thiết bị thở tự cung cấp; STEL- Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn; TCEQ

- Ủy ban Chất lư ợng Môi trư ờng Texas; TLV- Giá trị giới hạn ngư ỡng; TSCA- Luật công số 94-469 của Đạo luật Kiểm soát Chất độc hại; TWA
- Giá trị theo thời gian; US DOT- Bộ Giao thông Vận tải Hoa Kỳ; WHMIS- Hệ thống thông tin về vật liệu nguy hiểm tại nơ i làm việc.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Theo hiểu biết của chúng tôi, thông tin có trong đây là chính xác. Tuy nhiên, nhà cung cấp nêu trên cũng như bất kỳ công ty con nào của họ đều không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin có trong đây. Việc xác định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ vật liệu nào là trách nhiệm duy nhất của ngư ời dùng. Tất cả các vật liệu đều có thể gây ra những mối nguy hiểm chư a biết và nên sử dụng thận trọng. Mặc dù một số mối nguy hiểm đư ợc mô tả trong đây, chúng tôi không thể đảm bảo rằng đây là những mối nguy hiểm duy nhất hiện hữu. Thông tin trên liên quan đến sản phẩm này theo công thức hiện tại và dựa trên thông tin có sẵn tại thời điểm này. Việc thêm chất khử hoặc các chất phụ gia khác vào sản phẩm này có thể làm thay đổi đáng kể thành phần và mối nguy hiểm của sản phẩm. Vì các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi, chúng tôi không đư a ra bất kỳ bảo đảm nào, dù là rõ ràng hay ngụ ý, và không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến bất kỳ việc sử dụng thông tin này.

Machine Translated by Google

# BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN



## PHẦN 1) SẢN PHẨM HÓA CHẤT VÀ NHẬN DẠNG CỦA NHÀ CUNG CẤP

| | | | |
|---|---|---|---|
| Mã sản phẩm: | 70-10213 | | |
| Tên sản phẩm: | Nukote Polyprime I, Mặt B | | |
| Ngày sửa đổi: | Ngày 09 tháng 06 năm 2020 | Ngày in: | Ngày 01 tháng 10 năm 2020 |
| Phiên bản: | 1.0 | Ngày thay thế: | Không có |
| Tên nhà sản xuất: | Hệ thống phủ Nukote | | |
| Địa chỉ: | 2051 Đường Reliance, Bedford, TX 76021 | | |
| Điện thoại khẩn cấp: | Chemtrec:800-424-9300 (tài khoản:CCN1217) HOẶC Quốc tế:703-527-3887 (tài khoản:CCN1217) | | |
| Thông tin Điện thoại: | (832) 770-7100 | | |
| Fax: | (281) 227-0909 | | |

Sản phẩm/Công dụng khuyến nghị: Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo Bảng dữ liệu kỹ thuật của sản phẩm.

## PHẦN 2) NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

### Phân loại:

Độc tính cơ quan đích cụ thể - Phơi nhiễm lặp lại - Loại 2

Ăn mòn da - Loại 1C

Tổn thương mắt nghiêm trọng - Loại 1

Gây ung thư - Loại 2

Độc tính cấp tính đối với thủy sinh - Loại 3

Độc tính mãn tính trong nước - Loại 3

Độc tính cấp tính, Hít phải - Loại 4

### Biểu tượng:



### Từ tín hiệu:

Sự nguy hiểm

Các tuyên bố nguy hiểm - Sức khỏe:

H332 - Có hại nếu hít phải

H351 - Nghi ngờ gây ung thư .

H318 - Gây tổn thương mắt nghiêm trọng

H314 - Gây bỏng da nghiêm trọng và tổn thương mắt

H373 - Có thể gây tổn thương các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc nhiều lần.

Tuyên bố nguy hiểm - Môi trường:

H402 - Có hại cho sinh vật thủy sinh

H412 - Có hại cho sinh vật thủy sinh với tác động lâu dài

Các tuyên bố phòng ngừa - Chung: P101 - Nếu cần tư vấn y tế, hãy chuẩn bị sẵn nhãn hoặc hộp đựng sản phẩm.

P102 - Để xa tầm tay trẻ em.

P103 - Đọc nhãn trước khi sử dụng.

Machine Translated by Google

### Các tuyên bố phòng ngừa - Phòng ngừa:

P273 - Tránh thải ra môi trư ờng.

P261 - Tránh hít phải bụi/khói/khí/sư ơ ng mù/hơ i/bụi nư ớc.

P271 - Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơ i thông gió tốt.

P201 - Xin hư ớng dẫn đặc biệt trư ớc khi sử dụng.

P202 - Không đư ợc sử dụng cho đến khi đã đọc và hiểu rõ tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn.

P280 - Đeo găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.

P260 - Không hít bụi/khói/khí/sư ơ ng mù/hơ i/bụi nư ớc.

P264 - Rửa sạch sau khi xử lý.

### Các tuyên bố phòng ngừa - Phản hồi:

P304 - NẾU HÍT PHẢI:

P340 - Đư a nạn nhân ra nơ i thoáng khí và giữ tư thế thoải mái để thở.

P312 - Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.

P308 - NẾU tiếp xúc hoặc lo ngại:

P313 - Nhận tư vấn/chăm sóc y tế.

P305 - NẾU Ở MẮT:

P351 - Rửa sạch cẩn thận bằng nư ớc trong vài phút.

P338 - Tháo kính áp tròng nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa sạch.

P310 - Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ.

P301 - NẾU NUỐT PHẢI:

P330 - Súc miệng.

P331 - KHÔNG đư ợc gây nôn.

P303 - NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc):

P361 - Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn.

P353 - Rửa sạch da bằng nư ớc <hoặc vòi hoa sen>.

P363 - Giặt quần áo bị nhiễm bẩn trư ớc khi sử dụng lại.

P321 - Điều trị đặc hiệu (xem phần 4 trên SDS này).

P314 - Nhận tư vấn/chăm sóc y tế nếu bạn cảm thấy không khỏe.

### Các tuyên bố phòng ngừa - Lư u trữ:

P405 - Cửa hàng đã bị khóa.

### Các tuyên bố phòng ngừa - Xử lý:

P501 - Xử lý chất thải/thùng chứa đến nhà máy xử lý chất thải đư ợc phê duyệt.

## PHẦN 3) THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

| CAS | Tên hóa học | % Theo Trọng Lư ợng |
|---|---|---|
| 0009046-10-0 | POLYOXYPROPYLENEDIAMINE | 2,0% - 4% |
| 0006864-37-5 | Cyclohexanamine, 4,4'-methylenebis[2-methyl- | 2,0% - 4% |
| 0001333-86-4 | CARBON ĐEN | 1,7% - 3% |
| 0014808-60-7 | THẠCH ANH | 0,8% - 1,4% |
| 0007732-18-5 | NƯ ỚC | Dấu vết |

## PHẦN 4) CÁC BIỆN PHÁP CỨU THƯ ỜNG

### Hít vào:

Loại bỏ nguồn tiếp xúc hoặc đư a ngư ời đó đến nơ i có không khí trong lành và giữ cho họ thoải mái để thở. Nếu gặp các triệu chứng về hô hấp: Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ. Nếu khó thở, nhân viên đư ợc đào tạo nên cung cấp oxy khẩn cấp nếu đư ợc TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ khuyên làm như vậy.

Nếu bị phơ i nhiễm/cảm thấy không khỏe/lo lắng: Gọi đến TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ.

### Tiếp xúc với da:

Machine Translated by Google

Cởi bỏ quần áo, giày dép và đồ da bị nhiễm bẩn (ví dụ như dây đeo đồng hồ, thắt lưng). Nhẹ nhàng thấm hoặc chải sạch sản phẩm thừa. Rửa bằng nhiều nước ấm, chảy nhẹ trong khoảng thời gian 15-20 phút. Nếu da bị kích ứng hoặc phát ban: Hãy tìm lời khuyên/chăm sóc y tế. Giặt quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại hoặc vứt bỏ.

NẾU tiếp xúc hoặc lo lắng: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.

Giao tiếp bằng mắt:

Loại bỏ nguồn tiếp xúc hoặc đưa người đó ra nơi thoáng khí. Rửa mắt cẩn thận bằng nước ấm chảy nhẹ trong vài phút, trong khi giữ cho mí mắt mở. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa trong khoảng thời gian 15-20 phút. Cẩn thận không rửa nước bị ô nhiễm vào mắt không bị ảnh hưởng hoặc vào mặt. Nếu kích ứng mắt vẫn tiếp diễn: Hãy tìm lời khuyên/chăm sóc y tế.

Tiêu hóa:

Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ. KHÔNG gây nôn. Nếu nôn tự nhiên, hãy nằm nghiêng, ở tư thế hồi phục.

Cho uống 1 hoặc 2 cốc sữa hoặc nước và chuyển người đó đến nhân viên y tế. Không đưa bất cứ thứ gì vào miệng người bất tỉnh.

NẾU tiếp xúc hoặc lo lắng: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.

## MỤC 5) BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

Nên sử dụng hóa chất khô, bọt, phun nước carbon dioxide hoặc sương mù. Nên phun nước để làm mát hoặc bảo vệ vật liệu hoặc kết cấu tiếp xúc. Carbon dioxide có thể thay thế oxy. Hãy thận trọng khi sử dụng carbon dioxide trong không gian hạn chế. Tránh sử dụng đồng thời bọt và nước trên cùng một bề mặt vì nước sẽ phá hủy bọt. Chỉ có thể sử dụng cát hoặc đất cho các đám cháy nhỏ.

Các mối nguy hiểm cụ thể trong trường hợp hỏa hoạn:

Có thể xảy ra phản ứng đột ngột và hỏa hoạn khi sản phẩm tiếp xúc với chất oxy hóa.

Quy trình chữa cháy:

Cô lập khu vực nguy hiểm ngay lập tức và không cho nhân viên không có thẩm quyền ra ngoài. Dừng việc tràn/thải nếu có thể thực hiện an toàn. Di chuyển các thùng chứa không bị hư hại khỏi khu vực nguy hiểm ngay lập tức nếu có thể thực hiện an toàn. Phun nước có thể hữu ích trong việc giảm thiểu hoặc phân tán hơi và bảo vệ nhân viên. Nước có thể không hiệu quả nhưng có thể được sử dụng để làm mát các thùng chứa tiếp xúc với nhiệt hoặc ngọn lửa. Cần thận trọng khi sử dụng nước hoặc bọt vì có thể xảy ra bọt, đặc biệt là nếu phun vào các thùng chứa chất lỏng nóng, đang cháy.

Xử lý các mảnh vỡ cháy và nước chữa cháy bị ô nhiễm theo đúng quy định của chính quyền.

Hành động bảo vệ đặc biệt:

Đeo máy thở tự cung cấp được NIOSH chấp thuận ở chế độ áp suất dương với mặt nạ trùm kín mặt. Giày, găng tay (neoprene), kính bảo hộ và quần áo bảo hộ toàn thân cũng là bắt buộc.

Luôn phải cẩn thận khi ở những khu vực có bụi/sương mù.

## PHẦN 6) CÁC BIỆN PHÁP PHÁT HÀNH TÌNH CỜ

Quy trình khẩn cấp:

Tránh xa những người không cần thiết; cô lập khu vực nguy hiểm và từ chối vào. Không chạm hoặc đi qua vật liệu bị đổ. Dọn dẹp ngay lập tức.

LOẠI BỎ mọi nguồn gây cháy (không hút thuốc, pháo sáng, tia lửa hoặc ngọn lửa ở khu vực xung quanh).

Thiết bị được đề xuất:

Máy thở áp suất dương, trùm kín mặt (SCBA) hoặc máy thở cung cấp khí áp suất dương có bình thở SCBA thoát hiểm (được NIOSH chấp thuận).

Biện pháp phòng ngừa cá nhân:

Tránh hít phải hơi. Tránh tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo. Không chạm vào các thùng chứa bị hư hỏng hoặc vật liệu bị đổ trừ khi mặc quần áo bảo hộ thích hợp.

Biện pháp phòng ngừa về môi trường:

Ngăn chặn việc tràn/thải nếu có thể thực hiện an toàn. Ngăn không cho vật liệu tràn vào cống rãnh, cống thoát nước mưa, các hệ thống thoát nước trái phép khác và đường thủy tự nhiên bằng cách sử dụng cát, đất hoặc các rào cản thích hợp khác.

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch:

Thấm vật liệu bằng chất hấp thụ và xúc vào thùng chứa chất thải hóa học. Đậy nắp thùng chứa, nhưng không niêm phong, và di chuyển khỏi khu vực làm việc. Chất thải từ quá trình dọn dẹp tràn dầu có thể tiếp tục được quản lý theo các điều khoản của RCRA và cần được lưu trữ và xử lý như chất thải nguy hại. Đối với các vụ tràn dầu lớn, hãy gọi đến CHEMTREC (Trung tâm cấp cứu vận chuyển hóa chất) theo số 800-424-9300.

## PHẦN 7) XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ

Tổng quan:

Machine Translated by Google

Rửa tay sau khi sử dụng.

Không để dính vào mắt, da hoặc quần áo.

Không hít phải hơ i hoặc sư ơ ng mù.

Áp dụng các biện pháp vệ sinh cá nhân tốt.

Cấm ăn, uống và hút thuốc ở khu vực làm việc.

Cởi bỏ quần áo và thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn trư ớc khi vào khu vực ăn uống.

Nên bố trí trạm rửa mắt và vòi hoa sen ở những khu vực sử dụng và lư u trữ vật liệu này.

### Yêu cầu thông gió:

Chỉ sử dụng với thông gió đầy đủ để kiểm soát các chất gây ô nhiễm không khí ở mức giới hạn tiếp xúc của chúng. Khuyến nghị sử dụng thông gió cục bộ để kiểm soát khí thải gần nguồn.

### Yêu cầu về phòng lư u trữ:

Đóng chặt thùng chứa và dán nhãn đúng cách. Bảo quản ở nơ i khô ráo, thoáng mát, tránh xa nhiệt, ánh nắng trực tiếp, chất oxy hóa mạnh và bất kỳ chất nào không tư ơ ng thích. Bảo quản trong thùng chứa đã đư ợc phê duyệt và tránh hư hỏng vật lý. Giữ thùng chứa đư ợc niêm phong an toàn khi không sử dụng. Lư u trữ trong nhà phải đáp ứng các tiêu chuẩn của OSHA và các quy định về phòng cháy chữa cháy phù hợp. Các thùng chứa đã mở phải đư ợc niêm phong lại cẩn thận để tránh rò rỉ. Thùng chứa rỗng vẫn còn cặn và có thể gây nguy hiểm.
Sử dụng hệ thống thông gió không phát tia lửa, thiết bị chống cháy nổ đã đư ợc phê duyệt và hệ thống điện an toàn nội tại ở những khu vực sử dụng và lư u trữ sản phẩm này.

Bảo quản trong các thùng chứa kín để tránh hơ i ẩm trong không khí. Bảo quản ở nơ i khô ráo, thoáng mát. Bảo quản chất lỏng trong các thùng chứa trên mặt đất và có đê bao quanh để ngăn tràn hoặc rò rỉ.

Nối đất và liên kết các thùng chứa và thiết bị tiếp nhận. Tránh tĩnh điện bằng cách nối đất.

## PHẦN 8) KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

### Bảo vệ mắt:

Đeo kính bảo vệ mắt bằng tấm chắn bên hông hoặc kính bảo hộ. Đeo kính bảo hộ chống va đập, chống bắn nư ớc và thông gió gián tiếp khi làm việc với chất lỏng. Nếu cần bảo vệ thêm cho toàn bộ khuôn mặt, hãy sử dụng kết hợp với kính bảo hộ.

### Bảo vệ da:

Sử dụng găng tay đư ợc chấp thuận theo các tiêu chuẩn có liên quan đư ợc làm từ các vật liệu sau đây có thể cung cấp khả năng bảo vệ hóa chất phù hợp: Găng tay PVC, cao su tổng hợp neoprene hoặc cao su nitrile. Tính phù hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, ví dụ tần suất và thời gian tiếp xúc, khả năng chống hóa chất của vật liệu găng tay, độ dày của găng tay, độ khéo léo. Luôn tìm lời khuyên từ các nhà cung cấp găng tay. Nên thay thế găng tay bị nhiễm bẩn.
Nên sử dụng tạp dề và ủng làm bằng vật liệu không thấm hóa chất như cao su tổng hợp neoprene hoặc cao su nitrile để tránh gây kích ứng da. Loại thiết bị bảo vệ phải đư ợc lựa chọn theo nồng độ và lư ợng chất nguy hiểm tại nơ i làm việc cụ thể. Giặt quần áo bẩn hoặc xử lý đúng cách vật liệu bị ô nhiễm, không thể khử nhiễm.

### Bảo vệ hô hấp:

Nếu các biện pháp kiểm soát kỹ thuật không duy trì nồng độ trong không khí ở mức đủ để bảo vệ ngư ời lao động, cần tuân theo chư ơ ng trình bảo vệ hô hấp đáp ứng hoặc tư ơ ng đư ơ ng với OSHA 29 CFR 1910.134 và ANSI Z88.2. Kiểm tra với các nhà cung cấp thiết bị bảo vệ hô hấp.

Khi nồng độ trong không khí vư ợt quá hoặc dự kiến vư ợt quá TLV, hãy sử dụng máy thở cung cấp khí áp suất dư ơ ng đư ợc MSHA/NIOSH chấp thuận với mặt nạ trùm kín mặt hoặc mũ trùm đầu cung cấp khí. Trong trư ờng hợp khẩn cấp, hãy sử dụng máy thở tự chứa áp suất dư ơ ng.

### Kiểm soát kỹ thuật thích hợp:

Cung cấp hệ thống thông gió xả hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ nồng độ hơ i trong không khí ở mức dư ới ngư ỡng giới hạn tư ơ ng ứng.

| Tên hóa học | OSHA TWA (ppm) | OSHA TWA (mg/m3) | OSHA STEL (ppm) | OSHA STEL (mg/m3) | OSHA Bảng (Z1, Z2, Z3) | OSHA Chất gây ung thư | OSHA Chỉ định da | ACGIH TWA (ppm) | ACGIH TWA (mg/m3) | ACGIH STEL (ppm) | ACGIH STEL (mg/m3) | ACGIH Chất gây ung thư |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| CARBON ĐEN | | 3,5 | | | 1 | | | | 3.5a | | | 1 |
| THẠCH ANH | Một | [10 mg/m3 phần trăm SiO2+2 / 250 phần trăm SiO2+5 mppcf]; [30 mg/m3 phần trăm SiO2+2]; | | | [1,3]; [3]; | | | | 0,05e | | | 1 |

| Tên hóa học | ACGIH TWA (ppm) | ACGIH TWA (mg/m3) | ACGIH STEL (ppm) | ACGIH STEL (mg/m3) |
|---|---|---|---|---|
| CARBON ĐEN | | 3 (Tối) | | |
| THẠCH ANH | | 0,025 (R) | | |

Machine Translated by Google

## PHẦN 9) TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

### Tính chất vật lý và hóa học

| | |
|---|---|
| Tỉ trọng | 8,82 pound/gallon |
| Trọng lư ợng riêng | 1.06 |
| Quy định VOC | 0,00 lb/gallon |
| VOC Phần A & B Kết hợp | Không có |
| Vẻ bề ngoài | Chất lỏng trong suốt/có sắc tố |
| Ngư ỡng mùi | Không có |
| Mô tả mùi | Nhẹ |
| độ pH | Không có |
| Độ hòa tan trong nư ớc | Không có |
| Tính dễ cháy | Không có |
| Biểu tư ợng điểm chớp cháy | Không có |
| Điểm chớp cháy | 135 °C |
| Độ nhớt | Không có |
| Mức độ nổ thấp hơ n | Không có |
| Mức độ nổ trên | Không có |
| Áp suất hơ i | Không có |
| Mật độ hơ i | Không có |
| Điểm đóng băng | Không có |
| Điểm nóng chảy | Không có |
| Điểm sôi thấp | 150 °C |
| Điểm sôi cao | Không có |
| Nhiệt độ đánh lửa tự động | Không có |
| Phân hủy Pt | Không có |
| Tốc độ bốc hơ i | Không có |
| Hệ số Nư ớc/Dầu | Không có |

## PHẦN 10) TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

### Sự ổn định:

Vật liệu ổn định ở nhiệt độ và áp suất tiêu chuẩn.

### Các điều kiện cần tránh:

Nhiệt độ cao, ngọn lửa và độ ẩm. Tránh tiếp xúc với các vật liệu không tư ơ ng thích.

### Phản ứng nguy hiểm/Polymer hóa:

Sẽ không xảy ra.

### Vật liệu không tư ơ ng thích:

Sản phẩm này sẽ phản ứng với bất kỳ vật liệu nào có chứa isocyanate. Một số phản ứng có thể rất dữ dội.

### Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:

Sản phẩm cháy: hơ i hữu cơ và các mảnh phân hủy nhiệt.

## PHẦN 11) THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

### Ăn mòn/Kích ứng da:

Sản phẩm có thể đư ợc hấp thụ qua da và gây buồn nôn, đau đầu và khó chịu nói chung.

Gây bỏng da nghiêm trọng và tổn thư ơ ng mắt

### Tổn thư ơ ng/kích ứng mắt nghiêm trọng:

Hơ i có thể gây kích ứng mắt. Có thể bị bỏng hóa chất do tiếp xúc quá mức. Tác động của việc tiếp xúc có thể bị chậm lại.

Gây tổn thư ơ ng mắt nghiêm trọng

Machine Translated by Google

Nhạy cảm về hô hấp/da:

Hít phải: Tiếp xúc quá mức nghiêm trọng có thể gây ra tình trạng nhạy cảm đư ờng hô hấp với các triệu chứng giống hen suyễn. Các triệu chứng này có thể xuất hiện ngay lập tức hoặc chậm trễ tới vài giờ sau khi tiếp xúc. Tiếp xúc mãn tính có thể dẫn đến suy giảm chức năng phổi vĩnh viễn.

Da có thể bị nhạy cảm sau khi tiếp xúc nhiều lần và/hoặc kéo dài.

Tính gây ung thư :

Nghi ngờ gây ung thư .

Tính gây đột biến tế bào mầm:

Không có dữ liệu có sẵn

Độc tính sinh sản:

Không có dữ liệu có sẵn

Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể - Tiếp xúc một lần:

Không có dữ liệu có sẵn

Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể - Tiếp xúc nhiều lần:

Có thể gây tổn thư ơng các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc liên tục.

Nguy cơ hít phải:

Không có dữ liệu có sẵn

Độc tính cấp tính:

Nếu nuốt phải: Ở ngư ời, sau khi nuốt phải có thể gây kích ứng hoặc bỏng hóa chất ở miệng, họng, thực quản và dạ dày, tổn thư ơng có thể nghiêm trọng và gây tử vong.

Tiếp xúc nhiều lần và kéo dài ở mức độ thấp có thể gây ra các tác dụng phụ cho da, mắt, rối loạn gan và thận.

0001333-86-4 CARBON ĐEN

LC50 (chuột): 6750 mg/m3 (phơ i nhiễm trong 4 giờ); đư ợc trích dẫn là 27000 mg/m3 (27 mg/L) (phơ i nhiễm trong 1 giờ) (3)

Tiếp xúc mãn tính

0001333-86-4 ĐEN CARBON

TÁC DỤNG GÂY UNG THƯ : Năm 1996, IARC đã đánh giá lại Carbon Black là chất gây ung thư Nhóm 2B. Đánh giá này đư ợc đư a ra cho carbon black mà bằng chứng trên ngư ời chư a đủ, như ng bằng chứng trên động vật là đủ.

Hít phải muội than trong thời gian dài có thể dẫn đến bệnh phổi. Các triệu chứng bao gồm ho, khó thở, thở khò khè và suy giảm chức năng phổi.

0014808-60-7 THẠCH ANH

Hít phải bụi silic tinh thể trong thời gian dài có thể dẫn đến bệnh phổi (tức là bệnh bụi phổi silic và/hoặc ung thư phổi). Các triệu chứng bao gồm ho, khó thở, thở khò khè và suy giảm chức năng phổi.

Tác động tiềm ẩn đến sức khỏe - Khác

0001333-86-4 ĐEN CARBON

Là chất gây ung thư theo IARC, NTP hoặc OSHA. Đã cho thấy hoạt động gây ung thư ở động vật thí nghiệm ở liều cao. Chư a rõ ý nghĩa đối với con ngư ời. Các tình trạng bệnh lý sau đây có thể trầm trọng hơ n do tiếp xúc: hen suyễn, bệnh đư ờng hô hấp. CẢNH BÁO: Hóa chất này đư ợc Tiểu bang California biết đến là có thể gây ung thư .

0014808-60-7 THẠCH ANH

Là chất gây ung thư theo IARC, NTP hoặc OSHA. Tiếp xúc quá nhiều với silica tinh thể nhiều lần có thể dẫn đến thay đổi hình ảnh chụp X-quang và bệnh phổi mãn tính. Hít phải nồng độ bụi cao có thể gây ra: khó thở, tổn thư ơng phổi. CẢNH BÁO: Tiểu bang California biết rằng hóa chất này có thể gây ung thư .

## PHẦN 12) THÔNG TIN SINH THÁI

Độc tính:

Có độc tính với sinh vật thủy sinh và gây ảnh hư ởng lâu dài.

Có hại cho sinh vật dư ới nư ớc

Có hại cho sinh vật thủy sinh với tác động lâu dài

Tính di động trong đất:

Không có dữ liệu.

Các tác dụng phụ khác:

Không có dữ liệu.

Machine Translated by Google

Tiềm năng tích lũy sinh học

0001333-86-4 ĐEN CARBON

Không dự kiến có khả năng tích lũy sinh học đáng kể của cacbon đen dựa trên tính không hòa tan của nó trong dung môi hữu cơ và trong nư ớc. Hơ n nữa, vì đư ờng kính tổng hợp của cacbon đen thay đổi trong khoảng từ 80 nm đến 810 nm nên sự tích tụ sinh học của cacbon đen dạng hạt không có khả năng là do đư ờng kính lớn của các hạt tổng hợp rắn.

Sự bền bỉ và khả năng phân hủy

0001333-86-4 ĐEN CARBON

Tính không hòa tan của Carbon Black trong nư ớc khiến nó không thể phân hủy sinh học trong bất kỳ môi trư ờng hoặc bởi sinh vật nào. Nó đư ợc coi là bền vững trong môi trư ờng tự nhiên.

## PHẦN 13) XÉT XỬ LÝ

Xử lý chất thải:

Theo RCRA, ngư ời sử dụng sản phẩm có trách nhiệm xác định thời điểm thải bỏ sản phẩm có đáp ứng tiêu chí RCRA về chất thải nguy hại hay không. Quản lý chất thải phải tuân thủ đầy đủ luật liên bang, tiểu bang và địa phư ơ ng.

Các thùng chứa rỗng vẫn còn cặn sản phẩm có thể gây nguy hiểm cho vật liệu, do đó không đư ợc nén, cắt, tráng men, hàn hoặc sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác. Trả lại các thùng phuy cho các trung tâm tái chế để vệ sinh và tái sử dụng đúng cách.

## PHẦN 14) THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Thông tin của US DOT:

Tên vận chuyển: Amin, Chất lỏng, Ăn mòn, số (Polyoxypropylenediamine)
Số UN/NA: 2735
Mức độ nguy hiểm: 8
Nhóm đóng gói: III
Biển báo: Ăn mòn

Thông tin IMDG:

Tên vận chuyển: Amin, Chất lỏng, Ăn mòn, số (Polyoxypropylenediamine)
Số UN/NA: 2735
Mức độ nguy hiểm: 8
Nhóm đóng gói: III
Chất gây ô nhiễm biển: Không có dữ liệu

Thông tin IATA:

Tên vận chuyển: Amin, Chất lỏng, Ăn mòn, số (Polyoxypropylenediamine)
Số UN/NA: 2735
Mức độ nguy hiểm: 8
Nhóm đóng gói: III

## MỤC 15) THÔNG TIN QUY ĐỊNH

| CAS | Tên hóa học | % Theo Trọng Lư ợng | Danh sách quy định |
|---|---|---|---|
| 0009046-10-0 | POLYOXYPROPYLENEDI AMIN | 2,0% - 4% | TSCA |
| 0006864-37-5 | Cyclohexanamine, 4,4'-methylenebis[2-methyl- | 2,0% - 4% | DSL, SARA312, TSCA |
| 0001333-86-4 | CARBON ĐEN | 1,7% - 3% | DSL,SARA312,TSCA,California Đề xuất 65 |
| 0014808-60-7 | THẠCH ANH | 0,8% - 1,4% | DSL,SARA312,TSCA,California Đề xuất 65 |
| 0007732-18-5 | NƯ ỚC | Theo dõi | DSL,TSCA |

## PHẦN 16) THÔNG TIN KHÁC

THÔNG TIN KHÁC:

* Có những điểm khác biệt giữa OSHA GHS và UN GHS. Trong 90% các danh mục, chúng có thể đư ợc sử dụng thay thế cho nhau, như ng đối với Danh mục Ăn mòn/Chất gây kích ứng da và Danh mục Độc tính đối với Cơ quan Mục tiêu Cụ thể (Phơ i nhiễm Đơ n và Lặp lại). Trong những trư ờng hợp này, hệ thống của chúng tôi sẽ ghi là UN GHS.

BẢNG THUẬT NGỮ:

Machine Translated by Google

ACGIH- Hội nghị các nhà vệ sinh công nghiệp của chính phủ Hoa Kỳ; ANSI- Viện tiêu chuẩn quốc gia Hoa Kỳ; TDG Canada- Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của Canada; CAS- Dịch vụ tóm tắt hóa chất; Chemtrec- Trung tâm cấp cứu vận chuyển hóa chất (Hoa Kỳ); CHIP- Thông tin và bao bì về mối nguy hiểm của hóa chất; DSL- Danh sách các chất trong nư ớc; EC- Nồng độ tư ơ ng đư ơ ng; EH40 (Anh)- Ghi chú hư ớng dẫn của HSE EH40 Giới hạn phơ i nhiễm nghề nghiệp; EPCRA- Đạo luật về quyền đư ợc biết của cộng đồng và lập kế hoạch khẩn cấp; ESL- Mức sàng lọc tác động; HMIS- Dịch vụ thông tin về vật liệu nguy hiểm; LC- Nồng độ gây chết ngư ời; LD- Liều gây chết ngư ời; NFPA- Hiệp hội phòng cháy chữa cháy quốc gia; OEL- Giới hạn phơ i nhiễm nghề nghiệp; OSHA- Cơ quan quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, Bộ lao động Hoa Kỳ; PEL- Giới hạn phơ i nhiễm cho phép; SARA (Tiêu đề III)- Đạo luật sửa đổi và tái thẩm quyền của Superfund; SARA 313- Đạo luật sửa đổi và tái thẩm quyền của Superfund, Mục 313; SCBA- Thiết bị thở tự cung cấp; STEL- Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn; TCEQ
- Ủy ban Chất lư ợng Môi trư ờng Texas; TLV- Giá trị giới hạn ngư ỡng; TSCA- Luật công số 94-469 của Đạo luật Kiểm soát Chất độc hại; TWA
- Giá trị theo thời gian; US DOT- Bộ Giao thông Vận tải Hoa Kỳ; WHMIS- Hệ thống thông tin về vật liệu nguy hiểm tại nơ i làm việc.

---

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Theo hiểu biết của chúng tôi, thông tin có trong đây là chính xác. Tuy nhiên, nhà cung cấp nêu trên cũng như bất kỳ công ty con nào của họ đều không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin có trong đây. Việc xác định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ vật liệu nào là trách nhiệm duy nhất của ngư ời dùng. Tất cả các vật liệu đều có thể gây ra những mối nguy hiểm chư a biết và nên sử dụng thận trọng. Mặc dù một số mối nguy hiểm đư ợc mô tả trong đây, chúng tôi không thể đảm bảo rằng đây là những mối nguy hiểm duy nhất hiện hữu. Thông tin trên liên quan đến sản phẩm này theo công thức hiện tại và dựa trên thông tin có sẵn tại thời điểm này. Việc thêm chất khử hoặc các chất phụ gia khác vào sản phẩm này có thể làm thay đổi đáng kể thành phần và mối nguy hiểm của sản phẩm. Vì các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi, chúng tôi không đư a ra bất kỳ bảo đảm nào, dù là rõ ràng hay ngụ ý, và không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến bất kỳ việc sử dụng thông tin này.